

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2025/DS-ST
Ngày 17 – 6 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Ông Nguyễn Văn Mầm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 613/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hộ kinh doanh Q.

Chủ hộ kinh doanh: Ông Võ Quốc M, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Quốc M: Ông Võ Văn N, sinh năm 1993 (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 31/12/2024, có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Văn B, sinh năm 1963 (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị K (K1), sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/01/2015 vợ chồng ông Trần Văn B và bà Lê Thị K có hợp đồng mua thức ăn cho tôm và thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh Q, chỉ thỏa thuận miệng không lập hợp đồng mua bán, hai bên giao dịch nhiều lần đến ngày 26/8/2015 giữa H kinh doanh Quốc Mừng với ông B và bà K có làm giấy xác nhận lại số nợ thì ông B và bà K còn

nợ lại H kinh doanh Quốc M số tiền mua thức ăn cho tôm và thuốc thủy sản là 42.497.000 đồng. Hộ kinh doanh Q đã nhiều lần yêu cầu ông B và bà K trả số tiền trên thì ông B và bà K đã trả được số tiền 11.497.000 đồng và còn nợ lại số tiền 31.000.000 đồng đến nay không trả. Nay Hộ kinh doanh Quốc M yêu cầu ông Trần Văn B và bà Lê Thị K trả cho số tiền nợ là 31.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đối với ông Trần Văn B và bà Lê Thị K, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của Hộ kinh doanh Q nhưng ông B và bà K không có ý kiến. Tòa án thông báo để ông B và bà K tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông B và bà K vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Trần Văn B và bà Lê Thị K tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông B và bà K vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà K theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền*:

Tranh chấp giữa nguyên đơn Hộ kinh doanh Quốc Mừng với bị đơn ông Trần Văn B và bà Lê Thị K là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Văn B và bà Lê Thị K có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Hộ kinh doanh Q yêu cầu ông Trần Văn B và bà Lê Thị K phải có nghĩa vụ trả cho H kinh doanh Quốc M số tiền còn nợ là 31.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của Hộ kinh doanh Q, triệu tập ông Trần Văn B và bà Lê Thị K nhiều lần nhưng ông B và bà K đều vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình nên mặc nhiên ông B và bà K thừa nhận số nợ H kinh doanh Quốc Mừng yêu cầu. Mặt khác, theo tài liệu, chứng cứ mà H kinh doanh Quốc M cung cấp cho Tòa án thể hiện tại giấy xác nhận số nợ từ khách hàng ngày 26/8/2015 thì ông B và bà K còn nợ H kinh doanh Quốc Mừng số tiền 42.497.000 đồng, ông B và bà K có ký tên. Sau đó, ông B và bà K đã trả được số tiền 11.497.000 đồng nên ông B và bà K còn nợ lại H kinh doanh Quốc Mừng số tiền 31.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu

khởi kiện của H kinh doanh Q, buộc ông Trần Văn B và bà Lê Thị K phải có nghĩa vụ trả cho H kinh doanh Quốc Mừng số tiền 31.000.000 đồng. Hộ kinh doanh Q không yêu cầu tiền lãi nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra, ông B và bà K còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với khoản tiền phải thanh toán nếu chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông B và bà K phải chịu 5% án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho H kinh doanh Quốc Mừng cụ thể: 31.000.000 đồng x 5% = 1.550.000 đồng.

Hộ kinh doanh Quốc M không phải chịu án phí, số tiền đã dự nộp được nhận lại.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;
Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Q.

[1] *Về nội dung*:

Buộc ông Trần Văn B và bà Lê Thị K (K1) phải có nghĩa vụ trả cho H kinh doanh Quốc M số tiền 31.000.000 đồng (*Ba mươi một triệu đồng*).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] *Về án phí*:

Ông Trần Văn B và bà Lê Thị K (K1) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.550.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hộ kinh doanh Quốc M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Hộ kinh doanh Q 775.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018994 ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng